

Lợi nhuận duy trì tăng trưởng hai chữ số

Giá Mục tiêu

260.000 Đồng

Ngày báo cáo: 17/12/2024

Giá CP ngày 16/12/2024: 232.000 đồng

% Tăng giá: 12,1%

NGÀNH: HÀNG TIÊU DÙNG

CVPTCC: Trần Thùy Trang, BFP, ACA

Email: trangtt2@ssi.com.vn

SĐT: +84-24 3936 6321 ext. 8705

Chỉ tiêu cơ bản

Vốn hóa (tỷ đồng): 168.115

KLGDTB 3 tháng (CP): 124.793

Giá Cao/Thấp nhất 52W: 232/77.3

Tỷ lệ SHNN(%): 2,7%

Tỷ lệ sở hữu NN (%): 0%

Biến động giá



	3M	YTD	1Y	2Y
VNIIndex	-3%	13%	2%	6%
MCH	18%	141%	2%	20%

Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

CTCP Hàng tiêu dùng Masan (UPCOM: MCH) là công ty con trực tiếp của Masan Consumer Holdings (không bao gồm hoạt động kinh doanh bia, Masan Brewery). Kể từ khi thành lập, công ty đã mở rộng danh mục thương hiệu sang 8 danh mục hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) và trở thành một trong những công ty tiêu dùng thiết yếu hàng đầu của Việt Nam.

KHẢ QUAN

➤ Chúng tôi tăng giá mục tiêu của cổ phiếu MCH lên **260.000 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá là 12,1%), (từ 235.300 đồng/cổ phiếu), và duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN**. Dựa trên kết quả kinh doanh mạnh mẽ trong 3 quý đầu năm 2024, chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo cho cả năm 2024 và 2025, khi biên lợi nhuận gộp tăng mạnh hơn so với kỳ vọng của chúng tôi. Trong năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và NPATMI sẽ đạt lần lượt là 32 nghìn tỷ đồng (+13,7% svck) và 8,1 nghìn tỷ đồng (+14% svck), cao hơn 3,7% so với dự báo NPATMI trước đó của chúng tôi. Sang năm 2025, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và NPATMI sẽ lần lượt đạt 32,3 nghìn tỷ đồng (+13,1% svck) và 9,2 nghìn tỷ đồng (+13,3% svck), vượt trội hơn so với các doanh nghiệp F&B niêm yết khác mà chúng tôi nghiên cứu.

➤ Trong Q3/2024, MCH đạt được tăng trưởng doanh thu và NPATMI hai chữ số, nhờ đẩy mạnh các sáng kiến đổi mới sản phẩm đồ uống và tiêu dùng nhanh (HPC), đồng thời các sản phẩm cao cấp tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng trong mảng gia vị và thực phẩm tiện lợi. Về dài hạn, chúng tôi kỳ vọng chiến lược cơ cấu phân phối nhằm mở rộng tệp khách hàng trong nước và chiến lược "Go-Global" cho xuất khẩu sẽ thúc đẩy tăng trưởng ổn định. Công ty đã chủ động giảm các chương trình khuyến mãi trên kênh truyền thông để tập trung vào các hoạt động xây dựng thương hiệu như mở rộng độ phủ của các đại lý bán lẻ và phát triển nền tảng thương mại điện tử.

	2022	2023	2024F	2025F
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	26.977	28.241	32.098	36.289
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	5.533	7.194	8.198	9.290
Tăng trưởng LN ròng (%)	0,1%	30,0%	13,9%	13,3%
EPS (VND)	7.612	9.888	11.100	12.579
ROE (%)	28,0%	29,5%	27,2%	24,1%
Nợ/VCSH	0,33	0,33	0,19	0,16
Tỷ suất cổ tức (%)	0,0%	7,2%	4,3%	0,0%
P/E (x)	9,8	8,8	20,8	18,4
P/B (x)	2,5	2,5	5,1	4
EV/EBITDA (x)	7,4	6,6	16,6	12,4

Nguồn: MCH, SSI Research

Visit SSI Research on Bloomberg at **RESP SSIV <GO>**

SSI Research Web Portal: <https://www.ssi.com.vn/khach-hang-ca-nhan/bao-cao-cong-ty>

KQKD Q3/2024

Tỷ đồng	3Q24	3Q23	YoY	2Q24	QoQ	% ước tính của chúng tôi	Biên lợi nhuận			
							3Q24	3Q23	2Q24	2023
Doanh thu thuần	7.987	7.233	10,4%	7.388	8,1%	68%				
Lợi nhuận gộp	3.736	3.370	10,9%	3.416	9,4%		46,8%	46,6%	46,2%	45,9%
Lợi nhuận hoạt động	1.996	1.728	15,5%	1.557	28,2%		25,0%	23,9%	21,1%	25,4%
EBIT	2.455	2.192	12,0%	2.096	17,1%		30,7%	30,3%	28,4%	30,4%
EBITDA	2.455	2.353	4,3%	2.267	8,3%		30,7%	32,5%	30,7%	32,7%
LNTT	2.377	2.061	15,3%	2.035	16,8%		29,8%	28,5%	27,6%	28,7%
LNST	2.094	1.840	13,8%	1.789	17,1%		26,2%	25,4%	24,2%	25,5%
LNST thuộc về cổ đông công ty mẹ	2.072	1.810	14,5%	1.757	18,0%	68%	25,9%	25,0%	23,8%	25,1%

Nguồn: MCH, SSI Research

Trong Q3/2024, MCH đã đạt doanh thu thuần và lợi nhuận ròng sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ (NPATMI) lần lượt là 8 nghìn tỷ đồng (+10,4% svck) và 2,1 nghìn tỷ đồng (+14,5% svck), nhờ doanh thu từ thực phẩm tiện lợi, đồ uống và hàng tiêu dùng nhanh (HPC) đều đạt mức tăng trưởng hai chữ số. Các sáng kiến đổi mới sản phẩm và nâng cao chất lượng tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng doanh thu với 125 sản phẩm mới được ra mắt trong 12 tháng qua để đáp ứng các xu hướng tiêu dùng mới. Doanh thu từ các sản phẩm mới đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+46,5% svck) trong 9T2024 trên tất cả các danh mục như: nước giặt Chante, trà Bupnon Tea 365, tương ớt Chinsu Sriracha... Gia vị (chiếm 36% doanh thu) và thực phẩm tiện lợi (chiếm 32% doanh thu), nhờ vào việc cải thiện chất lượng là yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng. Đối với nước mắm và thực phẩm tiện lợi, tỷ lệ sản phẩm cao cấp/tổng doanh thu đã tăng từ 14,8% lên 15,8% và từ 47,0% lên 52,4% trong Q3/2024.

Lũy kế 9T2024, MCH đạt doanh thu thuần và NPATMI lần lượt là 22 nghìn tỷ đồng (+11,2% svck) và 5,5 nghìn tỷ đồng (+13,8% svck), theo đó, công ty đã đạt 68% dự báo doanh thu thuần và NPATMI cho cả năm 2024.

➤ Doanh thu từ gia vị ghi nhận mức tăng trưởng 6,7% svck trong Q3/2024, giảm so với mức tăng 9,1% svck trong Q2/2024 do (i) giảm khuyến mại cho các đại lý phân phối bán buôn; và (ii) tăng giá nhẹ cho các loại tương ớt. Trong khi đó, doanh thu từ nước mắm (chiếm 70% doanh thu gia vị) vẫn vượt mức tăng trưởng của mảng gia vị ở mức 4,4% svck, do người tiêu dùng chuyển từ các sản phẩm kinh tế sang các sản phẩm phổ thông và cao cấp. Chúng tôi nhận thấy đối với nước mắm, các sản phẩm cao cấp bao gồm Chinsu và một số sản phẩm Nam Ngư có giá trị gia tăng (chẳng hạn như Nam Ngư Ớt Tỏi Lý Sơn và những sản phẩm có bao bì cao cấp hơn). Tính đến Q3/2024, các sản phẩm Nam Ngư chiếm 16% tổng doanh thu nước mắm và 11% tổng doanh thu gia vị. Dựa vào sự thành công của thương hiệu Chinsu, công ty đã mở rộng các sản phẩm dạng hạt và gia vị dưới thương hiệu Chinsu, ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu ấn tượng +66% svck trong quý. Theo đó, biên lợi nhuận gộp cải thiện +160bps svck, từ việc nâng cấp sản phẩm nước mắm và tăng giá tương ớt trong tháng Bảy.

- Trong Q3/2024, doanh thu từ thực phẩm tiện lợi đã tăng 11% svck, giảm so với mức 21% trong Q2/2024 do việc giảm khuyến mại tạm thời ảnh hưởng đến doanh thu của Kokomi. Mặt khác, chiến dịch tái ra mắt Omachi “Trứng, Bò, Rau” đã giúp doanh thu thương hiệu này tăng 24% svck trong quý, cao hơn mức tăng trưởng của mảng thực phẩm tiện lợi là 11%. Biên lợi nhuận gộp cải thiện +140bps svck nhờ doanh thu từ Omachi tăng. Chúng tôi nhận thấy giá bán bình quân của thực phẩm tiện lợi không đổi trong 2 năm qua.
- Doanh thu từ đồ uống tăng 18,8% svck, trong đó, doanh thu của Wakeup 24/7 tăng 13% svck. Sản phẩm mới ra mắt trà Bupnon Tea 365 nhắm đến người tiêu dùng quan tâm đến sức khỏe cũng đóng góp 62% tăng trưởng doanh thu của phân khúc này. Biên lợi nhuận gộp giảm 370bps do chi phí nguyên liệu đầu vào và bao bì cho sản phẩm Wakeup 24/7 tăng cao và chi phí đầu tư ban đầu cho trà Bupnon Tea 365.
- Doanh thu từ hàng tiêu dùng nhanh (HPC) tăng 12,4% svck, trong đó doanh thu của NET và Chante tăng lần lượt 12% và 48% svck, chiếm 92% tăng trưởng của phân khúc này. Biên lợi nhuận gộp giảm 340bps do chi phí bao bì tăng. Chúng tôi kỳ vọng rằng việc ra mắt Chante trên toàn quốc trong mạng lưới GT sẽ thúc đẩy doanh thu trong tương lai.
- Doanh thu từ cà phê tăng 5% svck mặc dù gặp phải sự cạnh tranh gay gắt. Biên lợi nhuận gộp giảm 320bps svck xuống còn 27% do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao.

Triển vọng

Ban lãnh đạo tự tin sẽ tiếp tục đạt được lợi nhuận cao trong Q4/2024 với mức tăng trưởng hai chữ số về cả doanh thu và NPATMI cho cả năm 2024. Chính sách tái cấu trúc phân phối gần đây, nhằm giảm các chương trình khuyến mãi cho các nhà phân phối và tập trung vào bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ GT nhỏ, dự kiến sẽ giúp xây dựng thương hiệu và mở rộng tệp khách hàng trong dài hạn. Chúng tôi tin rằng lợi thế cạnh tranh về R&D của MCH, với vai trò là một công ty luôn nỗ lực đẩy nhanh sự đổi mới, ra mắt sản phẩm mới và cải thiện thị phần, sẽ mang lại hiệu quả tích cực. Chúng tôi kỳ vọng rằng chiến lược Go-Global sẽ mang lại tăng trưởng dài hạn cho các danh mục chính như gia vị và thực phẩm tiện lợi. Xuất khẩu hiện chiếm 5% tổng doanh thu và MCH đã thâm nhập vào các thị trường chính như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc và đã ghi nhận các kết quả tích cực ban đầu đối với dòng sản phẩm của công ty. Các danh mục sản phẩm khác, vẫn còn tiềm năng tăng trưởng trên thị trường nội địa. Chante là một thương hiệu mới ra mắt, đã thành công trên kênh thương mại hiện đại, mặc dù phải cạnh tranh gay gắt với các công ty đa quốc gia.

Định giá và luận điểm đầu tư

Chúng tôi tăng giá mục tiêu của cổ phiếu MCH lên **260.000 đồng/cổ phiếu** (tiềm năng tăng giá là 12,1%), (từ 235.300 đồng/cổ phiếu), và duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN**. Dựa trên kết quả kinh doanh mạnh mẽ trong 3 quý đầu năm 2024, chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo cho cả năm 2024 và 2025, khi biên lợi nhuận gộp tăng mạnh hơn so với kỳ vọng của chúng tôi. Trong năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và NPATMI sẽ đạt lần lượt là 32 nghìn tỷ đồng (+13,7% svck) và 8,1 nghìn tỷ đồng (+14% svck), cao hơn 3.7% so với dự báo NPATMI trước đó của chúng tôi. Sang năm 2025, chúng tôi dự báo doanh thu thuần và NPATMI sẽ lần lượt đạt 32,3 nghìn tỷ đồng (+13,1% svck) và 9,2 nghìn tỷ đồng (+13,3% svck), vượt trội hơn so với các doanh nghiệp F&B niêm yết khác mà chúng tôi nghiên cứu. Tại mức giá 232.000 đồng/cổ phiếu, MCH đang giao dịch ở mức P/E năm 2024 và 2025 lần lượt là 20,8x và 18,4x.

Yếu tố hỗ trợ: (i) Việc chuyển niêm yết sang HOSE trong thời gian tới có thể giúp thanh khoản của cổ phiếu cải thiện; (ii) MCH là doanh nghiệp tập trung vào mảng tiêu dùng, có thể hấp dẫn hơn so với cấu trúc phức tạp của MSN.

Rủi ro: (i) tiêu dùng phục hồi chậm hơn dự kiến có thể gây áp lực lên tăng trưởng doanh thu và (ii) khó xác định các giao dịch của các bên liên quan.

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5.588	5.790	17.036	25.335
+ Đầu tư ngắn hạn	1.404	4.908	4.908	4.908
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	16.527	10.989	11.555	13.064
+ Hàng tồn kho	2.502	2.178	2.022	2.261
+ Tài sản ngắn hạn khác	72	56	54	60
Tổng tài sản ngắn hạn	26.092	23.922	35.575	45.629
+ Các khoản phải thu dài hạn	193	9.338	3.210	3.629
+ GTCL Tài sản cố định	5.093	5.552	5.306	5.017
+ Bất động sản đầu tư	7	6	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	811	275	275	275
+ Đầu tư dài hạn	249	295	295	295
+ Tài sản dài hạn khác	1.072	1.165	788	885
Tổng tài sản dài hạn	7.424	16.631	9.874	10.101
Tổng tài sản	33.517	40.553	45.448	55.730
+ Nợ ngắn hạn	10.061	13.729	10.642	11.520
Trong đó: vay ngắn hạn	6.626	8.469	5.984	6.310
+ Nợ dài hạn	1.010	448	966	1.080
Trong đó: vay dài hạn	775	227	342	382
Tổng nợ phải trả	11.071	14.177	11.608	12.600
+ Vốn góp	7.275	7.275	7.275	7.275
+ Thặng dư vốn cổ phần	3.610	3.610	3.610	3.610
+ Lợi nhuận chưa phân phối	12.263	16.124	23.471	32.622
+ Quý khác	-703	-634	-511	-371
Vốn chủ sở hữu	22.446	26.376	33.846	43.136
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	33.517	40.553	45.454	55.736
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	2.484	6.256	14.844	8.433
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-9.272	-7.088	-500	-500
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-638	1.034	-3.098	366
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-7.426	202	11.246	8.299
Tiền đầu kỳ	13.013	5.588	5.790	17.036
Tiền cuối kỳ	5.588	5.790	17.036	25.335
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	2,59	1,74	3,34	3,96
Hệ số thanh toán nhanh	2,34	1,58	3,15	3,76
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,69	0,78	2,06	2,63
Nợ ròng / EBITDA	-0,18	0,26	-0,37	-1,25
Khả năng thanh toán lãi vay	21,31	17,69	26,84	29,68
Ngày phải trả	8,6	11,2	11,6	10,3
Ngày phải trả	35,3	42,1	38,8	32,5
Ngày tồn kho	54,8	55,9	45,6	41,5
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,67	0,65	0,74	0,77
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,33	0,35	0,26	0,23
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,49	0,54	0,34	0,29
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,33	0,33	0,19	0,16
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,3	0,32	0,18	0,15

Nguồn: MCH, SSI dự báo

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	26.977	28.241	32.098	36.289
Giá vốn hàng bán	-15.846	-15.267	-17.097	-19.120
Lợi nhuận gộp	11.132	12.974	15.001	17.169
Doanh thu hoạt động tài chính	935	1.854	1.737	1.704
Chi phí tài chính	-385	-538	-361	-368
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-4.527	-5.328	-6.099	-6.859
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-901	-926	-963	-1.089
Lợi nhuận từ HĐKD	6.266	8.095	9.315	10.557
Thu nhập khác	-23	4	0	0
Lợi nhuận trước thuế	6.243	8.099	9.315	10.557
Lợi nhuận ròng	5.533	7.194	8.198	9.290
Lợi nhuận chia cho cổ đông	5.451	7.085	8.075	9.151
Lợi ích của cổ đông thiểu số	82	109	123	139
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	7.612	9.888	11.100	12.579
Giá trị sổ sách (VND)	30.130	35.438	45.538	58.117
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	16.800	10.000	0
EBIT	6.551	8.584	9.676	10.925
EBITDA	7.365	9.240	10.422	11.715
Tăng trưởng				
Doanh thu	-2,9%	4,7%	13,7%	13,1%
EBITDA	-1,5%	25,5%	12,8%	12,4%
EBIT	-1,3%	31,0%	12,7%	12,9%
Lợi nhuận ròng	0,1%	30,0%	13,9%	13,3%
Vốn chủ sở hữu	32,0%	17,5%	28,3%	27,4%
Vốn điều lệ	0,1%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	11,0%	21,0%	12,1%	22,6%
Định giá				
P/E	9,8	8,8	20,8	18,4
P/B	2,5	2,5	5,1	4
Giá/Doanh thu	2	2,2	5,3	4,7
Tỷ suất cổ tức	0,0%	7,2%	4,3%	0,0%
EV/EBITDA	7,4	6,6	16,6	12,4
EV/Doanh thu	2	2,2	5,4	4
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	41,3%	45,9%	46,7%	47,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	22,0%	25,4%	24,7%	25,4%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	20,5%	25,5%	25,5%	25,6%
CP bán hàng/Doanh thu thuần	16,8%	18,9%	19,0%	18,9%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,3%	3,3%	3,0%	3,0%
ROE	28,0%	29,5%	27,2%	24,1%
ROA	17,4%	19,4%	19,1%	18,4%
ROIC	24,9%	40,5%	23,1%	20,7%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

phuonghv@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích cao cấp Vĩ mô

trinhhtt@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

Trần Thùy Trang

Chuyên viên Phân tích cao cấp

trangtt2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8705

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8702

Chiến lược thị trường

Hồ Hữu Tuấn Hiếu

Chuyên gia Chiến lược đầu tư

hieuhht1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 24) 3936 6321 ext. 8704

Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư

baonq1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 28) 3824 2897 ext. 6737